

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN **SJC**  
Cùng tăng giá trị



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Đ/C: 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84.8) 3932 9999 Fax: (84.8) 3932 6595

Email: [infosjcs@sjcs.com.vn](mailto:infosjcs@sjcs.com.vn)


Web: [www.sjcs.com.vn](http://www.sjcs.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT .....	2
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	2
3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH .....	3
4. ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	3
5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	3
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	40
7. CÁC RỦI RO .....	40
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>42</b>
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....	42
2. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016 .....	45
3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	45
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	47
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU .....	48
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>49</b>
1. HOẠT ĐỘNG CỦA SICS.....	49
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	49
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	49
4. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC .....	50
5. TRIỂN VỌNG TRONG TƯƠNG LAI.....	50
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..</b>	<b>51</b>
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HDQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	51
2. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017.....	51
3. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017.....	52
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>53</b>
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>56</b>

## L. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
- Tên Tiếng Anh: SJC SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt: SJCS
- Trụ sở chính: 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Tp. HCM
- Điện thoại: (84.8) 3 932 9999
- Fax: (84.8) 3 932 6595
- Logo 
- Vốn điều lệ: 53.000.000.000 (Năm mươi ba tỷ) đồng.
- Giấy phép ĐKKD: Giấy phép số 97/UBCKNN cấp ngày 04/09/2008;  
Giấy phép điều chỉnh số: 13/GPDC-UBCK ngày  
03/04/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

CÁC MỐC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
04/09/2008	SJCS chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 97/UBCKNN cấp ngày 04/09/2008 với vốn điều lệ ban đầu là 53 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 18A, Đinh Tiên Hoàng, Phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
25/9/2008	SJCS được công nhận là thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25/09/2008.
05/12/2008	SJCS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 99/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2008.
06/02/2009	SJCS được công nhận là thành viên giao dịch của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 35/QĐ-TTGDHN ngày 06/02/2009.
28/07/2009	Công ty được chấp thuận là thành viên giao dịch trực tuyến tại SGDCK thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 77/QĐ – SGDHCM ngày 28/07/2009.

12  
CỘNG  
HỘ  
SJC  
TP

03/03/2011	Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo Quyết định số: 223/QĐ-UBCK.
03/04/2013	SICS được UBCK Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh số: 13/GPDC-UBCK ngày 03/04/2013.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### 4. Địa bàn kinh doanh

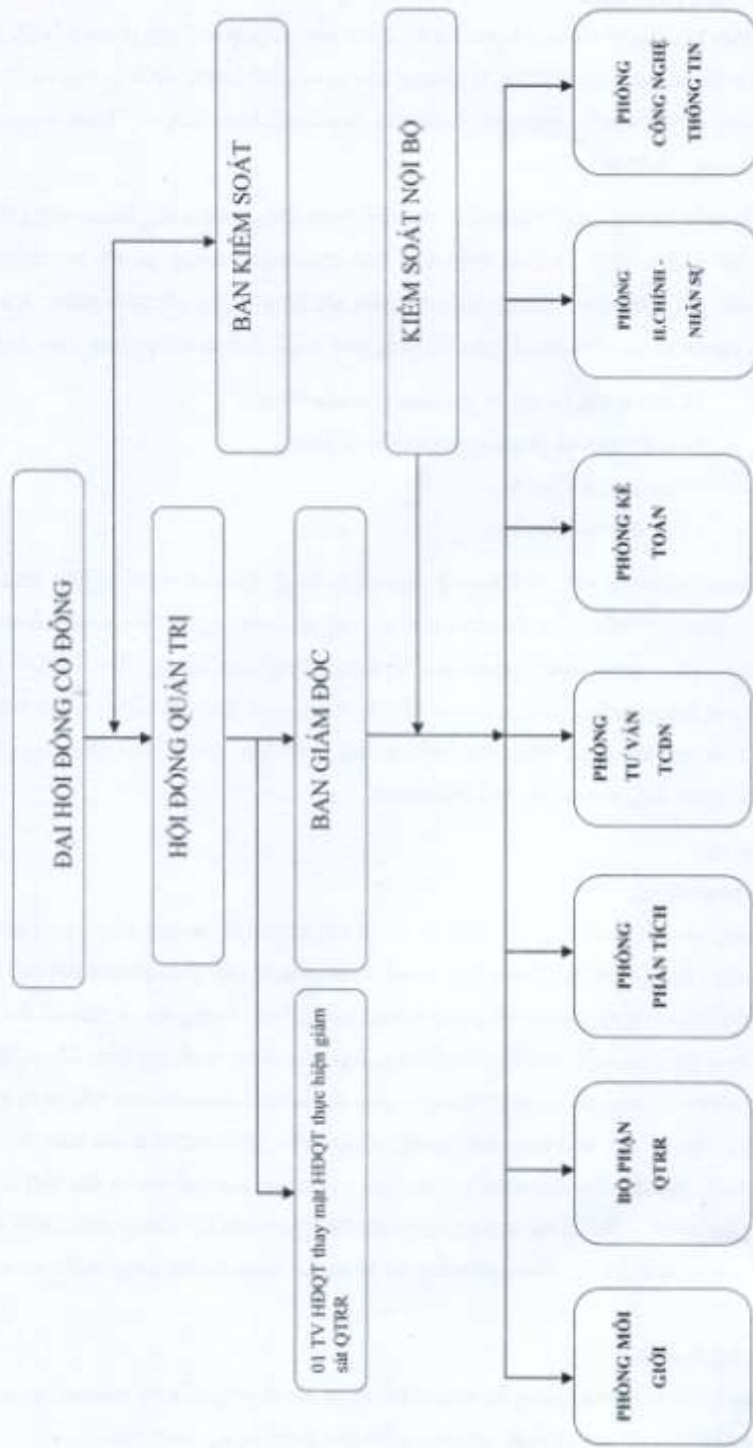
Trụ sở chính: 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. HCM

### 5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### ❖ Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty cổ phần chứng khoán SJC bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và các phòng ban chức năng.
- Công ty thực hiện quy định phân cấp, phân quyền và ra quyết định theo quy định tại các quy chế nội bộ của công ty và theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể.
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được yêu cầu về hiệu quả quản trị, quản lý hiện tại mà Hội đồng quản trị và Ban điều hành của công ty đặt ra.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty cập nhật tại thời điểm 31/12/2016:



## **6. Định hướng phát triển**

SJC Securities là công ty chứng khoán thứ 97 được cấp phép hoạt động từ năm 2008, mục tiêu SJC Securities nhằm tới là trở thành “Công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt và minh bạch nhất Việt Nam”, thông điệp mà SJC Securities muốn gửi đến công chúng đầu tư: “Luôn mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư – Add more value”.

Trong chiến lược dài hạn, SJC Securities xác định luôn đồng hành cùng khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phát triển trên nền công nghệ thông tin tối ưu, máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại, kèm theo những dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất nhằm đem lại hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng với cam kết gắn bó cùng phát triển. Bởi phương châm của chúng tôi là:

- Luôn mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư;
- Lắng nghe và Đồng cảm với khách hàng;
- Hợp tác và Chia sẻ;
- Học hỏi và Sáng tạo;...

SJC Securities tin tưởng vào định hướng phát triển đúng đắn của mình vì Ban lãnh đạo Công ty xác định, muốn phát triển bền vững thì bên cạnh quy mô vốn, công nghệ tối ưu, yếu tố nhân sự cũng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của Công ty. Do đó, SJC Securities tập trung ưu tiên phát triển nguồn lực con người để xây dựng một đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, giỏi chuyên môn... Và hơn thế là sự đoàn kết, nhất trí, đặt quyết tâm cao để thực hiện mục tiêu đã đặt ra của toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên SJC Securities.

## **7. Các rủi ro**

### **7.1 Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động hay còn gọi là rủi ro tác nghiệp, rủi ro vận hành; Đây là loại rủi ro có mặt trong hầu hết hoạt động của các công ty chứng khoán. Rủi ro này xuất phát từ các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty và các tác động khách quan khác. Trong đó có một số trường hợp nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhằm lệnh,... Nếu không quản trị tốt rủi ro này các công ty chứng khoán sẽ phải đối diện với tổn thất về uy tín và tài sản. Nhận thức được vấn đề này nên toàn thể cán bộ, nhân viên SJCS nghiêm túc tuân thủ theo các quy định của pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các quy trình quy chế nội bộ đặc biệt là các quy định liên quan đến Quy trình quản trị rủi ro và Quy trình kiểm soát nội bộ. Đồng thời SJCS bố trí nhân sự làm việc theo mô hình kiểm tra chéo giữa các cá nhân, bộ phận nhằm giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh.

### **7.2 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường như sự thay đổi giá của cổ phiếu, sự biến động của lãi suất, sự không ổn định của tỷ giá, chính sách...

Đây là rủi ro hệ thống không thể loại bỏ được; Do vậy, SJCS có một đội ngũ nhận định, phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

### **7.3 Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán đó là việc công ty chứng khoán bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày. Các công ty chứng khoán gặp phải rủi ro này do cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà chưa đặt nặng yêu cầu quản trị rủi ro nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán; cũng có trường hợp công ty muốn gia tăng lợi nhuận trong khi nguồn tài chính hạn hẹp bằng cách vay vốn ngân hàng phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ, trường hợp này rủi ro của công ty chứng khoán sẽ lớn hơn do sử dụng đòn bẩy tài chính; Với chiến lược phát triển bền vững SJCS luôn đưa ra mục tiêu ưu tiên đảm bảo an toàn tài chính do đó SJCS đã hạn chế được tối đa rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của mình.

### **7.4 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro chung trên thị trường chứng khoán. Khi thanh khoản biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro cho công ty chứng khoán là rất lớn với nghiệp vụ cho vay ký quỹ ...Do vậy, để tránh được rủi ro SJCS luôn nghiêm ngặt tuân thủ theo các quy định về giao dịch ký quỹ và các quy định nội bộ về kiểm soát rủi ro.

### **7.5 Rủi ro pháp lý**

Hoạt động của các chủ thể trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó có SJCS, chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập cá nhân... v.v

Hiện nay, hệ thống pháp luật này vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện để tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ và nhất quán, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các chủ thể tham gia vào thị trường. Do vậy, những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong hệ thống pháp luật có liên quan sẽ tác động đến kế hoạch phát triển kinh doanh của SJCS.

SJCS luôn cập nhật các dự thảo văn bản, văn bản pháp lý mới ban hành từ đó Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty chỉ đạo các phòng ban chức năng xây dựng phương án kế hoạch thực hiện theo đúng quy định.

### **7.6 Rủi ro khác (nếu có)**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoá hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của toàn bộ thị trường chứng khoán cũng như hoạt động riêng của SJCS.

Đông á	5,5	5,6
Trung quốc	6,4	6,5
Nam á	6,6	6,8
Ấn độ	7,3	7,5
Tây á	2,4	2,7
Mỹ la tinh và caribe	-0,6	1,5
Nam mỹ	-1,9	0,9
Brasil	-3,4	0,2
Mexico và trung mỹ	2,7	2,9
Caribe	3,4	3,9
Các nước kém phát triển	4,8	5,5
<i>Thương mại quốc tế</i>	3,1	4,1
<i>Tăng trưởng sản lượng (theo PPP)</i>	3,1	3,6

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tăng nhẹ và đạt mức 2,7% trong năm 2017 sau khi nằm ở mức thấp trong thời kỳ hậu khủng hoảng trong năm qua, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới nguyên nhân ở đây là một số cản trở tại các thị trường mới nổi và các nước đang phát triển xuất khẩu hàng nguyên vật liệu sẽ bị gỡ bỏ và cầu nội địa tại các nước này vẫn duy trì tốt.

Tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ tăng và đạt mức 1,8% trong năm 2017, báo cáo Viễn cảnh Kinh tế Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới cho hay. Kích thích tài khoá tại các nền kinh tế lớn – nhất là tại Hoa Kỳ – sẽ đẩy nhanh tăng trưởng trong nước và toàn cầu cao hơn dự kiến mặc dù báo hộ mậu dịch có thể gây nên tác động tiêu cực. Tỷ lệ tăng trưởng chung của thị trường mới nổi và các nước đang phát triển dự kiến đạt 4,2% trong năm nay, cao hơn mức 3,4% năm ngoái trong bối cảnh giá cả hàng nguyên vật liệu tăng nhẹ.

Tuy nhiên, viễn cảnh chung này vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi định hướng chính sách chưa rõ ràng tại các nền kinh tế lớn. Tình trạng này nếu còn tồn tại lâu cũng sẽ kéo dài thời kỳ đầu tư thấp tại tất cả các nền kinh tế thu nhập thấp, trung bình và cao.

"Sau một số năm tăng trưởng thấp đáng thất vọng trên toàn cầu, đã xuất hiện các chỉ dấu đáng khích lệ về cải thiện tốc độ tăng trưởng kinh tế," ông Jim Yong Kim, chủ tịch Nhóm Ngân hàng Thế giới nói. "Bây giờ là lúc chớp lấy đà tăng trưởng và tăng cường đầu tư vào hạ tầng và con người. Đây là điều cực kỳ quan trọng nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế bền vững và bao trùm, cần thiết để xoá bỏ nghèo cùng cực."

Báo cáo đã phân tích tình trạng đáng lo ngại gần đây về suy giảm tăng trưởng đầu tư tại thị trường mới nổi và các nước đang phát triển, nơi chiếm tới 1/3 GDP, 3/4 dân số và số người nghèo toàn cầu. Mức tăng đầu tư đã giảm từ mức trung bình 10% năm 2010 xuống còn 3,4% năm 2015 và trong năm 2016 có thể còn giảm tiếp 1/2 điểm phần trăm nữa.

Tốc độ tăng trưởng đầu tư suy giảm một phần do thực hiện điều chỉnh từ mức đầu tư cao trước khi xảy ra khủng hoảng, nhưng phần nào cũng phản ánh một số yếu tố tiêu cực tại thị trường mới nổi và các nước đang phát triển, trong đó phải kể đến giá dầu thấp (đối với các nước xuất khẩu dầu), đầu tư nước ngoài chậm lại (đối với các nước nhập hàng hoá nguyên vật liệu) và trên bình diện rộng hơn, đó là tình trạng nợ tư nhân và rủi ro chính trị.

"Chúng tôi có thể giúp các chính phủ tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân đầu tư và họ hoàn toàn có thể tin tưởng rằng khoản đầu tư của họ sẽ được kết nối với mạng lưới toàn cầu," ông Paul Romer, Chuyên gia Kinh tế trưởng, Ngân hàng Thế giới, nói. "Nếu chúng ta không đầu tư và xây dựng các con đường mới thì các nhà đầu tư tư nhân cũng không đầu tư để xây dựng các khu nhà mới. Nếu không xây dựng nơi làm việc được kết nối với khu dân cư thì hàng tỷ người muốn tham gia vào nền kinh tế hiện đại cũng sẽ không có cơ may đầu tư vào nguồn vốn con người bằng cách vừa làm vừa học."

Dự báo tỷ lệ tăng trưởng các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển xuất khẩu hàng nguyên vật liệu sẽ đạt 2,1% năm 2017 nhờ giá hàng nguyên vật liệu hồi phục và Nga và Brazil đã vượt qua



suy thoái và tăng trưởng trở lại. Trong năm 2016 nhóm nước và nền kinh tế này chỉ tăng trưởng mức không đáng kể là 0,3%.

Ngược lại, các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển nhập khẩu nguyên vật liệu sẽ tăng trưởng 5,6% năm nay, thấp hơn một chút so với con số ước tính là 5,7% năm 2016. Dự báo mức tăng trưởng Trung Quốc sẽ giảm một cách từ từ xuống còn 6,5%. Tuy nhiên viễn cảnh chung của các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển bị lu mờ đôi chút bởi thương mại quốc tế đình trệ, đầu tư kém và mức tăng năng suất lao động kém.

Trong các nền kinh tế phát triển, dự báo Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng 2,2% nhờ tăng trưởng trong các ngành công nghiệp chế tạo và tăng đầu tư bất đầu tăng tốc sau khi đã vượt qua năm 2016 yếu kém. Báo cáo cũng phân tích các tác động lan toả của chính sách kích thích tài khoá và các sáng kiến chính sách khác tại Hoa Kỳ lên nền kinh tế toàn cầu.

"Nền kinh tế Hoa Kỳ giữ một vai trò vô cùng lớn trong nền kinh tế toàn cầu nên những thay đổi chính sách của Hoa Kỳ sẽ tạo ra những đợt sóng. Chính sách tài khoá kích thích tăng trưởng tại Hoa Kỳ sẽ kích thích tăng trưởng tại nước này và trên thế giới trong kỳ ngắn hạn, nhưng các thay đổi chính sách thương mại và các chính sách khác lại có tác động ngược lại." ông Ayhan Kose, Giám đốc Nhóm Kinh tế Phát triển, Ngân hàng Thế giới nói. "Tình trạng chính sách tại các nền kinh tế lớn có thể sẽ gây nên những tác động tiêu cực lên tăng trưởng toàn cầu."

#### **b. Kinh tế trong nước:**

Năm 2016 kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động. Tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra; ngành nông - lâm - thủy sản gặp khó vì thiên tai, hạn hán; ngành khai khoáng giảm sâu tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung...

- **GDP 2016 không đạt chỉ tiêu:** năm 2016 ước đạt tăng 6,21% so với năm 2015. Trong đó, quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68%.
- **Sản xuất công nghiệp thấp hơn 2 năm trở lại đây:** Tính chung cả năm 2016, chỉ số toàn ngành công nghiệp tăng 7,5% so với năm 2015, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,8% của năm 2015 và 7,6% của năm 2014 do các ngành khai khoáng giảm mạnh.
- **Cán cân thương mại năm 2016, suất siêu 2,68 tỷ USD:** Kim ngạch hàng hoá xuất khẩu năm 2016 ước đạt 175,9 tỷ USD, tăng 8,6% so với năm trước.
- **CPI cả năm 2016 tăng 4,74%:** CPI tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015.

### **2.2 Thị trường chứng khoán Việt Nam**

#### **a. Tổng quan về thị trường chứng khoán năm 2016**

- Năm 2016, mặc dù chịu nhiều tác động bởi tình hình thế giới, TTCK Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt, được đánh giá là 1 trong 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất tại khu vực Đông Nam Á. Chỉ số VN-Index tăng 15%, HNX-Index tăng 0,8%; mức vốn hóa thị trường đạt 1.765 nghìn tỷ đồng, tương đương 42% GDP, tăng 30%; Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt 6.860 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với cuối năm 2015.
- Về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch: trên thị trường có 695 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và 377 cổ phiếu đăng ký giao dịch. Tổng giá trị niêm yết đạt 712 nghìn tỷ đồng (tăng 22%) và 590 mã trái phiếu với tổng giá trị niêm yết là 934 nghìn tỷ đồng (tăng 22,5%). Tổng mức huy động trên thị trường chứng khoán ước đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015. Huy động qua cổ phần hóa thoái vốn 11 tháng đầu năm 2016 đạt gần 8,1 nghìn tỷ đồng, tăng 46%; với tỷ lệ thành công tăng từ 40% lên 64%. Về hoạt động đầu tư, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,67 triệu tài khoản, tăng 6% so với cuối năm 2015. Trong 10 tháng đầu năm, dòng vốn nước ngoài vào ròng với giá trị cao nhất 5 năm qua. Giá trị danh mục liên tục gia tăng, đạt 17,3 tỷ USD vào cuối tháng 10/2016 (tăng 18% so với cuối năm 2015).

- Nằm trong lộ trình phát triển TTCK giai đoạn 2016-2020, sau khi có Luật Chứng khoán thể hệ hai, UBCK dự định sẽ chuyển từ cơ chế chào bán theo điều kiện cấp phép (merit review regulation) sang cơ chế đăng ký chào bán sau khi công bố đầy đủ thông tin (full disclosure regulation), triển khai giao dịch hợp đồng tương lai, quyền chọn dựa trên tài sản khác, cho phép vay chứng khoán để bán (bán không)... Đồng thời, bổ sung quy định cho phép UBCK có đủ thẩm quyền để thực thi các chức năng quản lý, giám sát, thanh tra và cưỡng chế thực thi theo thông lệ quốc tế.
- Ngoài ra, UBCK sẽ phải xây dựng mô hình, lộ trình cho tiến trình hợp nhất hai Sở GDCK; tái cơ cấu lại các khu vực thị trường, đặc biệt là thị trường cổ phiếu bên cạnh các nhiệm vụ xuyên suốt như chuẩn bị các điều kiện cần thiết đưa TTCK phát sinh đi vào hoạt động; nâng cao chất lượng của các công ty niêm yết và chất lượng công tác quản trị công ty, đưa những sản phẩm mới, hàng hóa mới có chất lượng cao vào TTCK; tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra theo chế độ quy định; đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, dịch vụ công trực tuyến công khai minh bạch.

#### b. Tình hình hoạt động của các công ty chứng khoán

- Đến nay, số lượng CTCK hoạt động bình thường là 79 công ty (giảm 25% tổng số CTCK), năng lực tài chính và công tác quản trị rủi ro của các CTCK đã từng bước được nâng cao.
- Theo quy định tại Thông tư 203/2015 có hiệu lực từ ngày 1/7/2016 và lộ trình phát triển TTCK phát sinh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2014 thì có 3 giai đoạn chính. Trong đó, giai đoạn trước 2015 là chuẩn bị, 2016 – 2020 là khâu tổ chức vận hành thị trường ở mức sơ khai và sau năm 2020 là hoàn thiện và nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm giao dịch thì không phải công ty chứng khoán nào cũng đủ vốn pháp định và hệ thống kỹ thuật để thực hiện hoạt động này.

#### 2. Kết quả kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu (tỷ VND)	Đơn vị	Năm 2016
Doanh thu	VND	9.475.036.711
Tổng chi phí	VND	8.954.479.662
Lợi nhuận sau thuế	VND	520.557.049
EPS	VND	98
Cổ tức	%	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của SJCS

#### 3. Tổ chức và nhân sự

##### ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính tới thời điểm hiện nay số lượng cán bộ, nhân viên của SJCS là 13 người, 84,61% cán bộ nhân viên của Công ty có trình độ đại học trở lên và các nhân viên nghiệp vụ đều đã được đào tạo qua các lớp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do UBCKNN tổ chức.

##### Cơ cấu nhân sự tính tới 31/12/2016

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Trên đại học	11	84,61%
2	Khác	2	15,39%
<b>Tổng</b>		<b>22</b>	<b>100%</b>

Nguồn: SJCS

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

*Thời gian làm việc:* Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu công việc thực tế nhân viên trong công ty có thể tự nguyện làm việc thêm giờ và được hưởng quyền lợi theo quy định của luật lao động và quy định của Công ty với mức đãi ngộ thoả đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được nghỉ được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định, đây là phần Bảo hiểm xã hội trả thay lương.

*Điều kiện làm việc:* Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết và xây dựng môi trường làm việc năng động tạo điều kiện cho các nhân viên gắn bó và phát huy hết năng lực của mình cho Công ty.

*Chính sách lương:* Chính sách lương, thưởng của SJCS luôn tuân thủ theo Luật lao động và các văn bản pháp luật liên quan. Quy chế này được xây dựng dựa trên tinh thần dân chủ, minh bạch và công bằng nhằm khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp.

Lương của người lao động = Lương cơ bản + Lương kinh doanh + Lương phụ cấp

Mức lương cơ bản được xác định bằng hệ số lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu. Hệ số lương cơ bản được xét duyệt tùy theo trình độ học vấn, chức vụ, thời gian làm việc...

Lương kinh doanh được tính dựa trên đặc thù của công việc là hỗ trợ hay kinh doanh trực tiếp và được quy định cụ thể trong hệ thống thang lương, bảng lương của công ty.

Lương phụ cấp bao gồm tiền lương làm thêm giờ; tiền thưởng vì có thành tích trong công tác tốt và mang lại hiệu quả kinh doanh cho công ty, phụ cấp ăn trưa.

*Chính sách tuyển dụng và đào tạo:* Xác định được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong lĩnh vực hoạt động tài chính công ty luôn chú trọng tới việc tìm kiếm tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Quy trình tuyển dụng của SJCS được xây dựng chặt chẽ và khoa học phù hợp với quy chế hoạt động của công ty. Bên cạnh việc đăng tải thông tin tuyển dụng rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo chí, website, các tổ chức tư vấn tuyển dụng chuyên nghiệp... Nhờ vậy, SJCS đã xây dựng được cho mình một đội ngũ nhân viên có trình độ, kinh nghiệm, nhiệt huyết với nghề.

Bên cạnh vấn đề tuyển dụng nhân sự công ty cũng rất coi trọng công tác đào tạo cán bộ, nhân viên. Cụ thể: Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ, tự đào tạo nội bộ, học hỏi từ các công ty đầu ngành, cập nhật những kiến thức mới và tìm hiểu TTCK các nước trong khu

ực..v.v. trong đó chú trọng hình thức đào tạo theo công việc thực tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng chuyên sâu về nghiệp vụ của từng phòng ban. Có thể khái quát như sau:

- Kỹ năng giao tiếp với khách hàng.
- Kỹ năng thuyết trình.
- Kỹ năng chăm sóc khách hàng.
- Phương pháp phân tích và nhận định thị trường.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	+/-%
Tổng tài sản	55.583,86	135.281	-58,91%
Doanh thu thuần	9.475,04	8.851	7,05%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	345,16	155,29	122,27%
Lợi nhuận khác	175,4	(1.118)	115,69%
Lợi nhuận trước thuế	520,56	241	116%
Lợi nhuận sau thuế	520,56	241	116%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán SJCS 2016

##### b. Các hệ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	+/-%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn= TSLD/Nợ NH	1,36	3,49	156,54%
+ Hệ số thanh toán nhanh= (TSLD-Hàng tồn kho/Nợ NH)	1,36	3,49	156,54%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,41	0,24	-40,76%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,68	0,32	-52,82%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14,6%	22,5%	54,22%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu Thuần	2,72%	5,49%	101,77%
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,58%	1,24%	113,33%
+ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,18%	0,94%	425,70%
+ Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu Thuần	1,75%	3,64%	107,63%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cơ cấu cổ đông**

*Cơ cấu cổ đông tính tới ngày 31/12/2016*

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cp)	Tổng mệnh giá (VND)	% vốn điều lệ
<b>I. Trong nước</b>	<b>53</b>	<b>5.300.000</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>100%</b>
1. Cổ đông tổ chức	04	826.940	8.269.400.000	15,6%
2. Cổ đông cá nhân	49	4.473.060	44.730.600.000	84,4%
<b>II. Nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
2. Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>-</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>100%</b>

*Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2016*

STT	Cổ đông	Số cổ phần Sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Ngọc Phong Đại diện phần vốn: Ông Phạm Quang Anh	528.940	9,98%
2	Huỳnh Thị Bích Ngân	529.000	9,98%
3	Nguyễn Thị Đây	505.120	9,53%
4	Hồ Sỹ Tường Trinh	449.240	8,48%
5	Hồ Sĩ Lân	528.940	9,98%
6	Huỳnh Anh Tuấn	426.630	8,05%
7	Nguyễn Dũng Đệ	264.470	4,99%
<b>TỔNG</b>		<b>3.232.340</b>	<b>60,99%</b>

**b. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty và tỷ lệ này tuân theo quy định hiện hành của pháp luật hiện hành.

Hiện nay, Công ty chưa có cổ đông là thể nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

**c. Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(11.438.134.216)	520.557.049	-	(10.917.577.167)

Cộng

41.561.865.784

520.557.049

-

42.082.422.833

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Hoạt động của SJCS

**Nghiệp vụ môi giới:** SJCS tiếp tục củng cố và thực hiện định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng thị phần, gia tăng quy mô hoạt động.

**Nghiệp vụ tư vấn:** Năm 2016 là năm được Chính phủ thúc đẩy cổ phần hóa, thoái vốn mạnh và đây cũng là cơ hội để SJCS có những hợp đồng cổ phần hóa/thoái vốn với một số Tổng Công ty.

**Hệ thống công nghệ thông tin:** Hoạt động ổn định và phục vụ tốt khách hàng.

#### 2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Thay đổi	
			Giá trị	%
1. Tổng Doanh thu	9,300	9,041	259	2.86
- Doanh thu hoạt động môi giới	3,637	3,043	594	19.53
- Doanh thu hoạt động tư vấn	398	470	(73)	(15.48)
- Doanh thu khác	5,265	5,528	(263)	(4.75)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	2,969	3,316	(347)	(10.47)
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,986	5,570	416	7.47
5. Thu nhập khác	175	88	87	99.21
6. Chi phí khác	-	3	(3)	(100)
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (7)=(1)-(2)-(3)-(4)+(5)-(6)	521	241	280	116.18
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	521	241	280	116.18

Trong năm 2016, tổng doanh thu của SJCS đạt 9,475 triệu đồng tăng 346 triệu đồng tương đương 3,79% so với cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân do doanh thu hoạt động môi giới tăng. Lợi nhuận sau thuế của SJCS tăng 280 triệu tương đương với 116,18% so với cùng kỳ năm 2015.

Đồng thời, tổng chi phí năm 2016 của SJCS là 8,954 triệu đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2015 là 66 triệu đồng tương đương 0,75%. Như vậy, SJCS đã kiểm soát tốt hơn chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2016.

#### 3. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài sản

Bảng cân đối kế toán	Năm 2015	Năm 2016	+/-%
Tài sản ngắn hạn (VNĐ)	127.656.886.657	47.105.798.934	-63,10%
Tài sản dài hạn (VNĐ)	7.623.770.771	8.478.063.911	11,21%
<b>Tổng tài sản (VNĐ)</b>	<b>135.280.657.428</b>	<b>55.583.862.845</b>	<b>-58,91%</b>
Nợ phải trả (VNĐ)	93.718.791.644	13.501.440.012	-85,59%
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	41.561.865.784	42.082.422.833	1,25%
<b>Tổng Nguồn vốn</b>	<b>135.280.657.428</b>	<b>55.583.862.845</b>	<b>-58,91%</b>
Vốn điều lệ (VNĐ)	53.000.000.000	53.000.000.000	0%

Số lượng CPĐLH (cp)	5.300.000	5.300.000	0%
---------------------	-----------	-----------	----

**b. Tình hình nợ phải trả**

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	+/-%
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>93.718.791.644</b>	<b>13.501.440.012</b>	<b>-85,59%</b>
Vay và nợ ngắn hạn	13.540.981.085	11.398.339.682	-15,82%
Phải trả người bán	72.348.576	72.348.576	0%
Người mua trả tiền trước	85.809.991		-100%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	310.908.203	241.432.991	-22,35%
Phải trả người lao động	257.931.023	264.357.611	2,49%
Chi phí phải trả	332.998.487	458.548.308	37,7%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	79.573.124	54.753.260	-31,19%
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	548.981.030		-100%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		72.011.719	100%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14.000.000	14.000.000	0%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	78.475.260.125	925.647.865	-98,82%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.718.791.644</b>	<b>27.002.880.024</b>	<b>-71,19%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của SJCS

**4. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm hiện đại, bảo mật cao cùng với hệ thống giao dịch trực tuyến có nhiều tiện ích, nâng cao năng lực hệ thống máy móc thiết bị, hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và cung cấp các dịch vụ về chứng khoán có chất lượng ưu việt.
- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu để đón đầu các đợt sóng mới của thị trường.
- Năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục đẩy mạnh kiểm soát chặt chẽ các yếu tố rủi ro có thể phát sinh.

**5. Triển vọng trong tương lai**

Thị trường chứng khoán 2017: Triển vọng lạc quan:

- Cơ sở pháp lý và các chính sách liên quan đến TTCK ngày được hoàn thiện là cơ sở quan trọng để đưa hoạt động của TTCK vào ổn định.
- Nền kinh tế được củng cố, hoạt động thoái vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết đang là yếu tố thu hút các nhà đầu tư tới Việt Nam. Tốc độ cải cách doanh nghiệp nhà nước nhanh hơn, thúc đẩy các doanh nghiệp niêm yết và tăng giới hạn sở hữu nước ngoài trong ngân hàng cũng là yếu tố đang thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

- Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% trong năm 2017; sự tăng trưởng của các cổ phiếu đã làm tăng định giá của thị trường, VN-Index đang giao dịch ở mức định giá P/E 14 lần (12 tháng gần nhất).
- Tuy nhiên, TTCK có thể bị rui ro từ các yếu tố bên ngoài như lãi suất tại Mỹ tăng lên và sự không ổn định của đồng nhân dân tệ, điều này khiến cho thị trường chứng khoán Việt Nam bớt hấp dẫn hơn.
- TTCK đã và đang là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh hệ thống ngân hàng được cơ cấu lại.
- Năm 2016 và trong tương lai SJCS sẽ tiếp tục nỗ lực phát huy những điểm mạnh và tận dụng mọi cơ hội củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán, từng bước thực hiện mục tiêu trở thành " Công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất".
- Với chiến lược trung và dài hạn, SJCS quán triệt định hướng sẽ đồng hành cùng khách hàng thông qua chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp và công nghệ hiện đại nhằm đem lại hiệu quả đầu tư tối ưu cho khách hàng với cam kết cùng phát triển bền vững.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của HDQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2016, HDQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các mặt hoạt động sau:

- Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ: Ban TGD đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HDQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HDQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch.
- Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết của HDQT tại các cuộc họp của HDQT trong năm 2016.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát: Từ kết quả các đợt kiểm tra định kỳ của Ban Kiểm soát, HDQT đã nắm bắt và kiểm soát tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Thông qua các mặt hoạt động trên, trong năm 2016, HDQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban TGD trong quá trình điều hành Công ty. Bên cạnh đó, trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo của HDQT.

##### 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu (tỷ VNĐ)	Năm 2017
Doanh thu thuần	10 tỷ
Tổng chi phí	8,98 tỷ



Lợi nhuận sau thuế	1,02 tỷ
Cổ tức (%)	0%

*Lưu ý: kế hoạch kinh doanh xây dựng trên cơ sở vốn điều lệ không thay đổi và hiệu quả hoạt động tương đương với các năm trước.*

### 3. Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2017

#### ❖ Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

**Mạng lưới khách hàng:** Với mục tiêu mở rộng mạng lưới khách hàng tại những tỉnh thành có tiềm năng, SJCS dự kiến sẽ mở rộng thêm nhiều chi nhánh, phòng giao dịch tại các tỉnh thành trong thời gian tới.

**Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại:** Từ khi mới thành lập, công ty đã xác định việc đầu tư vào Công nghệ thông tin là mục tiêu hàng đầu. Một mặt đáp ứng yêu cầu về quản lý của Công ty; Mặt khác đáp ứng nhu cầu chất lượng ngày càng cao của khách hàng.

**Con người:** SJCS quan niệm rằng, con người là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp nên Công ty luôn có những chính sách nhân sự đúng đắn, phù hợp giúp SJCS thu hút được những chuyên viên tài chính có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết gắn bó với công ty, giúp Công ty duy trì được bộ máy nhân sự ổn định tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các nghiệp vụ để phục vụ ngày một tốt hơn khách hàng cũ và thu hút khách hàng tiềm năng.

#### ❖ Định hướng phát triển của Công ty

##### **Chiến lược vốn:**

Với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt tại Việt Nam. Vốn hoạt động là một vấn đề vô cùng quan trọng góp phần đưa công ty đến gần mục tiêu, do đó, SJCS đang có lộ trình tăng vốn từ 53 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng và sau đó tăng tiếp lên 800 tỷ đồng trong năm 2017. Trong chiến lược xây dựng cấu trúc vốn tương lai, SJCS luôn cân nhắc, tính toán các phương án nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cổ đông cao nhất và chi phí sử dụng vốn thấp nhất.

##### **Mạng lưới:**

Ngoài việc mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch độc lập trực thuộc SJCS, SJCS cũng có chiến lược hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để phát triển SJCS theo hướng đa dạng đối tác, đa dạng sản phẩm.

##### **Công nghệ:**

Công nghệ được coi là yếu tố được ưu tiên phát triển tại SJCS. SJCS hiện đang triển khai phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, có độ tương thích cao với hai Sở, đảm bảo cung cấp các công cụ hữu hiệu cho các hoạt động giao dịch – bao gồm: Giao dịch trực tuyến, Dịch vụ nhắn tin SMS, Chương trình Quản lý giao dịch, Quản lý đầu giá, Đăng ký mở tài khoản trực tuyến, Đăng ký Rút tiền qua Internet, Quản lý nhân sự, Quản lý tài sản, Quản lý rủi ro, Kế toán, Quản lý hồ sơ khách

hàng, Website, đăng ký thực hiện quyền, thông tin thị trường, lệnh nâng cao ..v.v... SJCS cũng đang đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch nhằm mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

**Nhân sự:**

SJCS xác định việc phát triển nguồn lực là một trong những yếu tố cơ bản đảm bảo sự thành công cho công ty trong tương lai. SJCS phát triển chiến lược nhân sự linh hoạt nhằm thu hút được những cá nhân xuất sắc tham gia và gắn bó lâu dài với công ty. Chiến lược nhân sự của có thể được tóm tắt bao gồm việc tuyển dụng đa kênh nhằm tìm kiếm vào những cá nhân có năng lực và phẩm chất đạo đức phù hợp, trọng dụng và mạnh dạn phân quyền cho các cá nhân được tuyển dụng và chính sách đãi ngộ thích hợp, bao gồm cả việc chia sẻ lợi nhuận hoạt động nhằm khuyến khích và giữ chân các bộ có năng lực.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**❖ BAN ĐIỀU HÀNH**



**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2016 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

**Hội đồng Quản trị**

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên	Đến ngày 23/07/2016
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	
Ông Hồ Sĩ Lân	Thành viên	Từ ngày 23/07/2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/08/2016

**Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Mỹ Hạnh	Trưởng ban	
-----------------	------------	--

Bà Hồ Lệ Hoài Mai                      Thành viên  
Bà Phan Ngọc Đan Phương              Thành viên

**Bà Huỳnh Thị Bích Ngân \_ Chủ tịch HĐQT**

Bà Ngân là người sáng lập SJCS.

**Ông Huỳnh Anh Tuấn \_ Thành viên HĐQT**

Ông Huỳnh Anh Tuấn đã tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP.HCM, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng và Đại học Luật TP.HCM. Ngoài ra, ông Tuấn còn được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt nam.

Trước khi tham gia thành lập Công ty CP Chứng khoán SJC, ông Huỳnh Anh Tuấn là Trợ lý Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Chứng khoán ACB, kiêm Giám đốc Chi nhánh Thị Nghè của Công ty TNHH MTV Chứng khoán ACB. Với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán Việt nam, ông Tuấn được biết đến như một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm và thành đạt. Ông Tuấn đã từng tư vấn cho hàng loạt các tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao.

**Bà Nguyễn Hồng Trang \_ Thành viên HĐQT (là Thành viên HĐQT đến ngày 23/07/2016)**

Bà Nguyễn Hồng Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Ngoại thương, Thạc sỹ Kinh tế phát triển tại Viện Khoa học Xã hội The Hague-Hà lan. Bà đã tham gia thành công cuộc thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

Trước khi tham gia thành lập Công ty CP Chứng khoán SJC, bà đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – đầu tư. Bà đã giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế và Phó Trưởng phòng Xúc tiến đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM, chịu trách nhiệm thẩm định và đề xuất Ủy Ban nhân dân Thành phố phê duyệt các dự án đầu tư quy mô lớn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sau đó bà Trang gia nhập Công ty CP Chứng khoán Gia Quyền với vị trí Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đã tiến hành thành công một loạt hợp đồng tư vấn cổ phần hóa, tái cấu trúc doanh nghiệp, tăng vốn, tư vấn phát hành trái phiếu ... cho các công ty thành viên của Tập đoàn Dệt May (như Tổng Công ty Phong Phú, Dệt Nam Định...), Công ty Tín nghĩa, Công ty cổ phần Sài Gòn Sân bay (SGA), Công ty Lạc Việt

**Ông Phạm Quang Anh \_ Thành viên HĐQT**

Ông Phạm Quang Anh tham gia công tác tài chính từ năm 1997. Trước khi gia nhập SJCS, ông Phạm Quang Anh từng giữ các chức vụ Phó Giám đốc công ty kiểm toán DNP, Phó Tổng Giám đốc công ty Ngọc Phong. Ngoài ra, ông Phạm Quang Anh còn tham gia nhiều công tác tư vấn cho nhiều tổ chức trong và ngoài nước. Ông Phạm Quang Anh tốt nghiệp cao học kinh tế năm 2003.

**Hoạt động của HĐQT**

Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường thông qua hình thức họp trực tiếp tại văn phòng công ty, trao đổi bằng email, bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với nhau để thông báo, thảo luận về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành.

Hội đồng quản trị có 02 người là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty, gồm: Ông Phạm Quang Anh, Bà Nguyễn Kim Cúc. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị với 02 thành viên độc lập không điều hành bảo đảm đúng tỷ lệ về thành viên hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

#### ✓ BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty, bao gồm các ông/bà:

- Bà Đặng Mỹ Hạnh – Trưởng ban
- Bà Hồ Lệ Hoài Mai – Thành viên
- Bà Phan Ngọc Đan Phương – Thành viên

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2017. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua đã có những bước tiến triển tốt mặc dù công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của TTCK. Tuy nhiên, Công ty đã tăng trưởng được thị phần và tiếp tục khẳng định thương hiệu SJCS trong hoàn cảnh thị trường khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra công nhận và Ban Kiểm soát hoàn toàn thống nhất với các số liệu này.

Hoạt động của bộ phận Kiểm soát nội bộ cũng góp phần quan trọng trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của Công ty và nhân viên Công ty, hỗ trợ hoạt động cho Ban Kiểm soát rất tốt.

#### ✓ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc	
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám Đốc	- Đến ngày 01/08/2016

#### ✓ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

PHÒNG KẾ TOÁN	Phạm Thị Hiền Phụ Trách phòng Kế toán	- Đến ngày 01/08/2016
	Lê Thị Ngọc Phương Phụ Trách phòng Kế toán	- Bỏ nhiệm từ ngày 01/08/2016
BAN KIỂM SOÁT	Bà Đặng Mỹ Hạnh Trưởng Ban kiểm soát	

#### ❖ Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT và Ban Kiểm Soát

Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định hàng năm căn cứ trên đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT tại thời điểm ngày 31/12/2016

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Huỳnh Thị Bích Ngân	529.000	9,98%
2	Huỳnh Anh Tuấn	426.630	8,05%
3	Nguyễn Hồng Trang	0	0%
4	Phạm Quang Anh	0	0%
5	Nguyễn Kim Cúc	50.000	0,94%
	<b>TỔNG</b>	<b>1.005.630</b>	<b>18,97%</b>

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
đã được kiểm toán**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>	06 - 11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	12 - 14
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	15 - 18
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	19
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	20 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Giấy phép cung cấp Giao dịch Trực tuyến theo Quyết định số 893/QĐ-UBCK ngày 11/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 03/04/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 06/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2016 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên	Đến ngày 23/07/2016
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	
Ông Hồ Sĩ Lân	Thành viên	Từ ngày 23/07/2016

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/08/2016

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Mỹ Hạnh	Trưởng ban	
Bà Hồ Lệ Hoài Msi	Thành viên	
Bà Phan Ngọc Đan Phương	Thành viên	

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

38  
NG  
ĐEM  
VỤ T  
ĐI  
ĐEM  
M V  
P. H

38  
NG  
ĐEM  
VỤ T  
ĐI  
ĐEM  
M V  
P. H



### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huyền Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
SJC  
HUYỀN ANH TUẤN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Số : 202/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo Tài chính năm 2016*  
*của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC*

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC, được lập ngày 30/03/2017, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi



1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán và công bố kèm với Báo cáo kiểm toán độc lập số 131/BCKT/TC ngày 21/03/2017. Do Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính nêu trên theo hướng dẫn tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính có ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã sửa đổi lại Báo cáo tài chính năm 2016 theo hướng dẫn tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các báo cáo này là các Báo cáo phát hành lại thay thế cho các Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập đã phát hành, công bố nêu trên.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Nguyễn Minh Tiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1



1:1 N. G. 14/1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)</b>	100		<b>47.105.798.934</b>	<b>51.344.990.627</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	110		<b>46.797.310.065</b>	<b>50.981.936.555</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.5.1	3.407.132.045	262.858.866
1.1. Tiền	111.1		3.407.132.045	262.858.866
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	A.5.3.1	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114	A.5.3.2	39.926.196.966	46.143.089.570
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		-	-
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	-
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	-
8. Trả trước cho người bán	118		2.344.510.000	3.385.199.515
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		61.416.360	104.539.477
10. Phải thu nội bộ	120	A.5.4	-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122		95.897.894	6.308.006.351
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.5.4	(37.843.200)	(6.221.757.224)
		A.5.5		
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	130		<b>308.488.869</b>	<b>363.054.072</b>
1. Tạm ứng	131		174.159.029	254.042.832
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		49.500.000	24.181.400
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	A.5.15	-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		84.829.840	84.829.840
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		8.478.063.911	7.789.150.771
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	210		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
		A.5.12		
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		1.226.797.217	1.057.351.328
1. Tài sản cố định hữu hình	221		305.359.217	395.525.402
- Nguyên giá	222		9.023.156.298	8.981.466.298
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(8.717.797.081)	(8.585.940.896)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTC theo giá trị hợp lý	226b	A.5.13	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		921.438.000	661.825.926
- Nguyên giá	228		4.803.438.500	4.173.438.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(3.882.000.500)	(3.511.612.574)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	240		4.370.000.000	4.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	250		2.881.266.694	2.731.799.443
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		165.380.000	165.380.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		24.159.293	73.662.770
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254		2.691.727.401	2.492.756.673
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		55.583.862.845	59.134.141.398

21/12  
CÔNG  
SỐ  
VỤ  
HÀNH  
KIỂM  
SỐ  
TP. H

21/12/2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ [PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)]</b>	300		<b>13.501.440.012</b>	<b>17.572.275.614</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	310		<b>13.501.440.012</b>	<b>17.572.275.614</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.5.18	11.398.339.682	13.540.981.085
1.1. Vay ngắn hạn	312		11.398.339.682	13.540.981.085
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A.5.12	54.753.260	79.573.124
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.5.16	72.348.576	72.348.576
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		241.432.991	310.908.203
11. Phải trả người lao động	323		264.357.611	257.931.023
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		72.011.719	50.701.919
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.5.15	458.548.308	332.998.487
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		14.000.000	14.000.000
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.5.17	925.647.865	2.912.833.197
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-

34/01  
TỶ  
HỆ THỐNG  
ỨNG DỤNG  
TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN  
TRUNG ƯƠNG  
5 CHỖ

16/01  
34/01  
TỶ  
HỆ THỐNG  
ỨNG DỤNG  
TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN  
TRUNG ƯƠNG  
5 CHỖ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho NĐT	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>42.082.422.833</b>	<b>41.561.865.784</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>42.082.422.833</b>	<b>41.561.865.784</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.000.000.000	53.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		53.000.000.000	53.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		53.000.000.000	53.000.000.000
a. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu thành vốn	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416	A.5.17	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(10.917.577.167)	(11.438.134.216)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(10.917.577.167)	(11.438.134.216)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>55.583.862.845</b>	<b>59.134.141.398</b>



Handwritten signature or mark in red ink.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		6.221.757.224	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		5.300.000	5.300.000
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		-	-
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		-	-
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		-	-
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		-	-
<i>d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		-	-
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		-	-
<i>f. Tài sản tài chính chờ cho vay</i>	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	-
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		-	-
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		-	-
<i>c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố</i>	022.3		-	-
<i>d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ</i>	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
7. Tiền gửi của khách hàng	026		3.576.907.348	48.994.182.359
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		-	-
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	A.5.10	2.259.769.312	4.199.568.695
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	A.5.10	742.675.180	44.245.632.634
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		742.675.180	44.245.632.634
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.5.11	574.462.856	548.981.030
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		-	-
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		-	-
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	33		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	A.5.19	574.462.856	548.981.030

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật  
Tổng Giám đốc






Lê Thị Ngọc Phương

Lê Thị Ngọc Phương

Huỳnh Anh Tuấn

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	-
a. Lãi bán các tài sản chính FVTPL	01.1		-	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		5.033.950.069	5.312.650.935
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		3.636.889.039	3.042.770.805
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		397.545.455	470.356.120
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		119.730.609	25.214.655
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	-
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B.5.1	14.822.224	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.202.937.396</b>	<b>8.850.992.515</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.661.485.003	1.393.267.148
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-

138  
NG  
BEM  
VUT  
BEM  
MVI  
139

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**  
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.075.641.612	1.785.261.013
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		195.067.036	137.421.670
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác khác	32	B.5.2	36.704.200	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)</b>	<b>40</b>	<b>B.5.4</b>	<b>2.968.897.851</b>	<b>3.315.949.831</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		96.702.803	189.870.319
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)</b>	<b>50</b>	<b>B.5.3</b>	<b>96.702.803</b>	<b>189.870.319</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)</b>	<b>60</b>		-	-
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>				
	61		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
	62	B.5.5	5.985.581.811	5.569.620.192
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)</b>				
	70		345.160.537	155.292.811
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	B.5.6	175.396.512	88.046.975
8.2. Chi phí khác	72	B.5.7	-	2.540.804
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)</b>	<b>80</b>		<b>175.396.512</b>	<b>85.506.171</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**  
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KÊ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>520.557.049</b>	<b>240.798.982</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		520.557.049	240.798.982
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B.5.8	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KÊ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>520.557.049</b>	<b>240.798.982</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ đánh toàn diện khác	304		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B.5.9	98	45
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	B.5.9	98	45



Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Phương

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phương

Đại diện theo pháp luật  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

13  
 03  
 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2016

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	-
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		-	-
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(53.488.762)	(198.454.641)
4. Có tức đã nhận	04		-	-
5. Tiền lãi đã thu	05		3.862.003.295	6.519.174.190
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(1.748.942.952)	(1.336.790.228)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.796.558.538)	(2.419.648.826)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.365.812.388)	(3.688.364.477)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.579.887.738)	(1.268.113.399)
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10		-	-
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		18.020.048.245	109.148.207.431
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(7.580.268.388)	(111.043.922.484)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.757.092.774</b>	<b>(4.287.912.434)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(421.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		30.004.205	58.336.034
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(390.995.795)</b>	<b>58.336.034</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền vay gốc	33		27.304.000.000	11.864.394.739
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	33.2		27.304.000.000	11.864.394.739
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.525.823.800)	(7.394.437.977)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	34.1		-	-
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	34.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(29.525.823.800)	(7.394.437.977)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.221.823.800)</b>	<b>4.469.956.762</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.144.273.179</b>	<b>240.380.362</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>262.858.866</b>	<b>22.478.504</b>
- Tiền	61		262.858.866	22.478.504
- Các khoản tương đương tiền	62		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63		-	-
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>		<b>3.407.132.045</b>	<b>262.858.866</b>
- Tiền	71		3.407.132.045	262.858.866
- Các khoản tương đương tiền	72		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	73		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC  
 TRƯỞNG BAN GIÁM ĐỐC  
 VÀ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2016

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		806.615.748.066	374.012.372.278
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(852.432.309.160)	(330.663.264.851)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		-	-
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(118.850.135)	-
10. Thu lãi giao dịch chứng khoán	10		-	-
11. Chi lãi giao dịch chứng khoán	11		-	-
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		68.040.395.801	10.181.336.866
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(67.522.259.583)	(10.151.461.726)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>(45.417.275.011)</b>	<b>43.378.982.567</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		<b>48.994.182.359</b>	<b>5.615.199.792</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		-	-
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		4.199.568.695	3.858.025.602
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		44.245.632.634	1.315.591.556
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		548.981.030	441.582.634
Trong đó có kỳ hạn			-	-

1.386  
 ĐỒNG T  
 TIỀN H  
 VỤ TỬ  
 NH KẾ  
 TIỀN TỬ  
 M V TẾ  
 P. HO

1.386  
 ĐỒNG T  
 TIỀN H  
 VỤ TỬ  
 NH KẾ  
 TIỀN TỬ  
 M V TẾ  
 P. HO

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		<b>3.576.907.348</b>	<b>48.994.182.359</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42			
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		2.259.769.312	4.199.568.695
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		742.675.180	44.245.632.634
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45		574.462.856	548.981.030
Trong đó có kỳ hạn			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Phương

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phương

Đại diện theo pháp luật  
Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2016

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Biến động năm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
	01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	53.000.000.000	-	-	-	-	53.000.000.000	53.000.000.000
1.1. Vốn pháp định	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(11.678.933.198)	(11.438.134.216)	240.798.982	-	520.557.049	-	(11.438.134.216)	(10.917.577.167)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(11.678.933.198)	(11.438.134.216)	240.798.982	-	520.557.049	-	(11.438.134.216)	(10.917.577.167)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.321.066.802</b>	<b>41.561.865.784</b>	<b>240.798.982</b>	<b>-</b>	<b>520.557.049</b>	<b>-</b>	<b>41.561.865.784</b>	<b>42.082.422.833</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Tăng trong năm trước là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước (0).
- Tăng trong năm nay là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay (0).

Người lập báo cáo



Lê Thị Ngọc Phượng

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Phượng

Pháp nhân theo pháp luật  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
SJC



Huỳnh Anh Tuấn

09



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HUỲNH ANH TUẤN**